

BÁO CÁO TÓM TẮT

Các nội dung trình Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, kỳ họp thứ 9

Tại kỳ họp này, UBND huyện trình HĐND huyện 25 nội dung Báo cáo và Tờ trình dự thảo Nghị quyết. Với khối lượng nội dung trình tương đối lớn, do đó UBND huyện xin báo cáo tóm tắt 11 nội dung chính (11 nội dung trình bày tại Báo cáo này đã được Ban Kinh tế - Xã hội, HĐND huyện thẩm tra, UBND huyện đã tiếp thu, giải trình, đồng thời được Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cho chủ trương thực hiện), cụ thể:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024; PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân

Trong năm 2024, với sự lãnh đạo sát sao của Ủy ban nhân dân tỉnh, Huyện ủy, hướng dẫn của các Sở, ban ngành, giám sát của Hội đồng nhân dân huyện, điều hành linh hoạt của Ủy ban nhân dân huyện và cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, sự tin tưởng, đồng lòng, quyết tâm của cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của huyện tiếp tục ổn định, phát triển và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện năm 2024 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 5.946 tỷ đồng, đạt 101,42% kế hoạch, tăng 15,62% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó: Nông, Lâm, Thủy sản 1.585 tỷ đồng, đạt 100,15% kế hoạch, tăng 12,09% so với cùng kỳ năm 2023; Công nghiệp - Xây dựng 2.864 tỷ đồng, đạt 101,77% kế hoạch, tăng 17,64% so với cùng kỳ năm 2023; Thương mại - Dịch vụ 1.497 tỷ đồng, bằng 102,10% kế hoạch, tăng 15,67% so với cùng kỳ năm 2023. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 175.362 triệu đồng, đạt 152,94% dự toán tỉnh giao, 138,45% dự toán huyện giao và bằng 101,20% cùng kỳ năm 2023. Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 58,2 triệu đồng/người/năm, đạt 110,10% kế hoạch, tăng 12,29% so với cùng kỳ năm 2023. Đến cuối năm có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch; trồng mới rừng 714,98 ha, đạt 115,32% kế hoạch. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.606 tỷ đồng đạt 107,08% kế hoạch năm, bằng 102,78% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số lao động được giải quyết việc làm là 800 lao động, đạt 100% kế hoạch. Toàn huyện có 22 trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ước đạt 99,68%, đạt 100% kế hoạch và bằng 100,03% so với cùng kỳ năm trước. Quốc phòng, an ninh được giữ vững ổn định. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội được thực hiện quyết liệt. Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng quy định. Hoạt động đối ngoại được tăng cường.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, khuyết điểm: Tiến độ giải ngân các nguồn vốn còn chậm, nhất là nguồn vốn sự

nghiệp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia; Công tác đầu tư quyền sử dụng đất tại các dự án khai thác quỹ đất còn gặp nhiều khó khăn; Việc triển khai lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Sa Thầy đến 2035 còn chậm; Số vụ tai nạn giao thông vẫn còn cao.

Nguyên nhân là do: Việc ban hành các cơ chế, chính sách, phân bổ kinh phí triển khai thực hiện của cấp thẩm quyền chậm. Mặt khác, do nguồn kinh phí đối ứng của địa phương còn hạn chế đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công; Thị trường bất động sản trên địa bàn huyện trầm lắng từ cuối năm 2022 đến nay vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi; Tinh thần, trách nhiệm của một số đơn vị, địa phương trong công tác tham mưu đối với các nhiệm vụ được giao còn hạn chế, chưa kịp thời; Kết cấu hạ tầng giao thông của huyện chưa đầu tư đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đi lại của người dân. Bên cạnh đó, việc chấp hành Luật giao thông đường bộ của một bộ phận Nhân dân, nhất là thanh thiếu niên chưa nghiêm.

2. Về mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu năm 2024

2.1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phấn đấu tăng trưởng kinh tế với cơ cấu hợp lý và đúng định hướng. Đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội. Thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững. Tăng cường bảo vệ tài nguyên môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Giữ vững quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2.2. Chỉ tiêu kinh tế

a) Chỉ tiêu kinh tế: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (*theo giá so sánh năm 2010*) đạt khoảng 12,91%, trong đó: Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 9,49%; Công nghiệp và Xây dựng tăng 14,94%; Thương mại - Dịch vụ tăng 12,65%. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 288.200 triệu đồng; tổng chi cân đối ngân sách địa phương 771.208 triệu đồng. Một số diện tích cây trồng chính: Diện tích cây Lúa: 1.899 ha, Diện tích cây Sắn: 6.787 ha, Diện tích cây Cà phê: 3.250 ha, Diện tích cây Cao su: 13.996,60 ha, Diện tích cây Mía: 690,5 ha, Trồng mới 165,0 ha Cây ăn quả (*trong đó: cây Sầu riêng 50 ha; cây Chanh dây 100 ha; cây ăn quả khác 15 ha*), Trồng mới 40 ha cây Mắc ca, Trồng mới 110 ha Cây dược liệu khác, Cải tạo vườn tạp 200 ha, Một số vật nuôi chính: Đàn bò: 12.920 con, Đàn lợn: 30.000 con, Đàn dê: 2.500 con, Thành lập mới 02 Hợp tác xã; 01 Tổ hợp tác.

b) Các chỉ tiêu về xã hội: Dân số trung bình 57.914 người, Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,10%, Số lao động được giải quyết việc làm tăng thêm trong năm: 800 lao động, Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo khoảng 1,50%, Tổng số học sinh có mặt đầu năm trên địa bàn: 16.495 học sinh (*bao gồm học sinh Trường Dân tộc nội trú và THPT Quang Trung*), trong đó: Cấp huyện quản lý 15.355 học sinh, Tỷ lệ bao phủ Bảo Hiểm Y tế: 99,71%, Số giường bệnh/10.000 dân (*không tính giường trạm y tế xã*): 20,72 giường, Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi: 20,2%, Tỷ lệ xã, thị

trần có nhà văn hóa: 100%, Tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa: 93,75%, Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở: 100%, Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất: 100%.

c) Chỉ tiêu về môi trường: Tỷ lệ độ che phủ rừng (*có tính cây cao su*): 63,55%, Trồng mới rừng: 470 ha, Tỷ lệ rác thải sinh hoạt (*thành thị và nông thôn*) được thu gom và xử lý: 85,0%, Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 93,0%, Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường: 100%, Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: 100%.

d) Chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh: Tỷ lệ giao quân: 100%, Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố: 90,0%, Tỷ lệ xã, thị trấn mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc: 100%, Tỷ lệ xã, thị trấn, khu dân cư, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: 100%, Tỷ lệ tội phạm về trật tự xã hội (*giảm so với năm ngoái*): 7,0%.

e) Các chỉ tiêu còn lại: Có Phụ lục kèm theo báo cáo số 1040/BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp năm 2025

- Triển khai sản xuất vụ Đông Xuân 2024 - 2025, vụ Mùa năm 2025 đảm bảo thời vụ; cung ứng giống đảm bảo nguồn gốc, chất lượng, tăng cường lựa chọn một số giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng, tập trung ưu tiên trồng mới một số cây chủ lực của huyện; đồng thời, thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Thực hiện quyết liệt, đảm bảo tiến độ trồng mới khoảng 360 ha rừng trong năm 2025. Thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai theo phương châm “04 tại chỗ”.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, tìm kiếm thị trường mới, tạo đầu ra cho sản phẩm. Thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát thị trường, kiên quyết xử lý hàng giả, hàng lậu, kém chất lượng, nhất là các dịp Lễ, Tết. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản để triển khai một số công trình trọng điểm. Thực hiện có hiệu quả nguồn vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Đẩy nhanh tiến độ đấu giá các dự án khai thác quỹ đất để tạo nguồn thu đầu tư kết cấu hạ tầng. Theo dõi diễn biến, tiến độ thu ngân sách, tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, phấn đấu hoàn thành mục tiêu thu ngân sách Nhà nước năm 2025.

- Quản lý chặt chẽ chi ngân sách Nhà nước. Chủ động giãn tiến độ hoặc tạm dừng thực hiện một số khoản chi chưa thật sự cần thiết trong dự toán được giao; Tích cực tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tập trung xử lý những khó

khẩn, vướng mắc trong các thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; phân đấu đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 giải ngân đạt 100% kế hoạch (*không bao gồm nguồn dự phòng, kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư*). Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích, hiệu quả.

- Tập trung triển khai các giải pháp đồng bộ để thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện sự nghiệp giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh, đặc biệt là học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trên người, ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp. Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Đảm bảo an sinh xã hội gắn với thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, bảo đảm đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân; Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững. Triển khai đầy đủ các nguồn vốn vay, giải quyết việc làm; chính sách, chương trình có liên quan đến giảm nghèo.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là cải tạo, sửa chữa, bảo tồn nhà rồng truyền thống. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức sự kiện, kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2025 bằng nhiều hình thức phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, hiệu quả; Nâng cao chất lượng truyền thanh; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử đảm bảo gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp; Tiếp tục cải tiến, phát huy hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giới thiệu tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại địa phương. Đẩy mạnh các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật tại địa phương.

- Tăng cường thanh tra trách nhiệm về quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội của các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp. Tăng cường công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, tài sản Nhà nước.

- Triển khai thực hiện tốt các kế hoạch, phương án về đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Theo dõi, nắm chắc tình hình; đẩy mạnh phòng, chống, ngăn chặn các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh thông tin; Tăng cường

tuần tra, kiểm soát, xử lý, ngăn ngừa, kiểm chế tai nạn giao thông. Tăng cường quản lý Nhà nước về tôn giáo.

- Tăng cường củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại với các địa phương trong và ngoài tỉnh; duy trì và tăng cường công tác đối ngoại với huyện Tà Veng, tỉnh Ratanakiri - Vương quốc Campuchia.

II. TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG TRÌNH KỲ HỌP THỨ 9 HỘI ĐỒNG

1. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về Phương án thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2025

- Dự toán thu ngân sách nhà nước: Dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2025 huyện giao 288.200 triệu đồng, tăng so dự toán tỉnh giao 158.800 triệu đồng, tăng 122,7%, bằng 147,8% so ước thực hiện năm 2024, trong đó: Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện hưởng 240.779 triệu đồng, tăng 139.744 triệu đồng, tăng 138,3% so dự toán tỉnh giao, bằng 157,33% ước thực hiện năm 2024

- Dự toán thu cân đối ngân sách huyện 771.208 triệu đồng, tăng so dự toán tỉnh giao 139.744 triệu đồng tăng 20,8%.

- Dự toán chi ngân sách huyện 771.208 triệu đồng.

+ Dự toán chi cân đối ngân sách huyện 665.770 triệu đồng, tăng so dự toán tỉnh giao năm 2025 là 139.744 triệu đồng, gồm: Chi đầu tư phát triển 159.896 triệu đồng; Chi thường xuyên 495.353 triệu đồng

+ Chi bổ sung mục tiêu, mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách cấp trên 105.438 triệu đồng.

2. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc phê duyệt chi tiết Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025 huyện Sa Thầy

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương của huyện năm 2025 là 170.734,5 triệu đồng, tăng so với kế hoạch tỉnh giao 141.517,5 triệu đồng thuộc nguồn thu tiền sử dụng đất.

2.1. Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí 10.497,0 triệu đồng.

2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 160.237,5 triệu đồng, tăng so với kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh giao 141.517,5 triệu đồng để thực hiện 03 Dự án chuyển tiếp khi phát sinh nguồn thu và đảm bảo theo quy định.

2.3. Về phân bổ NSDP đối ứng các Chương trình MTQG năm 2025

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Tổng nguồn vốn NSTW được Ủy ban nhân dân tỉnh giao (*vốn đầu tư phát triển*) **40.246,0** triệu đồng. Vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định: **4.024,6** triệu đồng, đã cân đối bố trí **3.847,8** triệu đồng, còn thiếu **176,8** triệu đồng thuộc Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, Dự án 1. Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiếp

tục rà soát, cân đối từ các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư năm 2024 trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ sau khi xác định được nguồn thu.

- Về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tổng nguồn vốn NSTW được Ủy ban nhân dân tỉnh giao (*vốn đầu tư phát triển*) **2.578,0** triệu đồng. Ngân sách huyện phân bổ đối ứng **2.578,0** triệu đồng trong Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025 đảm bảo 100% theo quy định.

3. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về danh mục dự án đầu tư thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Sa Thầy

- Tổng danh mục dự án của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 là **118** dự án.

- Tổng danh mục dự án của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 là **64** dự án

Trong danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 thuộc các chương trình MTQG Ủy ban nhân dân huyện đề xuất nêu trên, có **41/182** dự án⁽¹⁾ chưa được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

4. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về danh mục dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn huyện Sa Thầy

- Tổng danh mục Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **38** dự án, trong đó: Danh mục dự án chuyên tiếp thực hiện trong năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt **01** dự án; Danh mục dự án quyết định thực hiện trong năm 2025 là **37** dự án.

- Tổng danh mục Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: **11** dự án (*Danh mục dự án quyết định thực hiện năm 2025 là 11 dự án*).

5. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về giao kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn huyện Sa Thầy

5.1. Về mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phần đầu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 là 1,99%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Phần đầu tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025 là 70% (*trong đó, tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao là 28,6%*).

5.2 Về phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm 2025

a) Dự toán ngân sách Trung ương tỉnh giao thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là **46.514,0** triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển **42.824,0** triệu đồng, vốn sự nghiệp **3.690,0** triệu đồng, cụ thể:

¹: Gồm: 30 dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 11 dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Dự toán địa phương giao: Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ **46.514,0** triệu đồng dự toán ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, bao gồm **42.824,0** triệu đồng vốn đầu tư phát triển và **3.690,0** triệu đồng vốn sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó: Phân bổ chi tiết kỳ này **18.642,5** triệu đồng, đạt 40,1% dự toán ngân sách Trung ương tỉnh giao (*Vốn đầu tư phát triển 14.952,5 triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.690,0 triệu đồng*); Chưa phân bổ chi tiết kỳ này **27.871,5** triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển*), chiếm 59,9% dự toán ngân sách Trung ương tỉnh giao, Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiếp tục triển khai rà soát, trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết cho các đơn vị, địa phương sau khi đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ và thủ tục theo quy định, cụ thể:

c) Về phân bổ NSDP đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **40.246,0** triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển*). Vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định: **4.024,6** triệu đồng, đã cân đối bố trí 3.847,8 triệu đồng, còn thiếu **176,8** triệu đồng thuộc Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, Dự án 1. Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiếp tục rà soát, cân đối từ các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư năm 2024 trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ sau khi xác định được nguồn thu.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương (*NSTW*) được tỉnh giao **6.268,0** triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển **2.578,0** triệu đồng; vốn sự nghiệp **3.690,0** triệu đồng. Vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định: **6.268,0** triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển **2.578,0** triệu đồng; vốn sự nghiệp **3.690,0** triệu đồng.

6. Tờ trình dự thảo Nghị quyết thông qua điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Sa Thầy

6.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Sa Thầy. Kết quả thực hiện các loại đất đến nay đã đạt được những kết quả nhất định, giúp cho công tác quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện từng bước được nâng lên và phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới, Cụ thể như sau:

a) Những mặt đạt được

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2024 của huyện Sa Thầy cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng, các cơ sở sản xuất, dịch vụ, mở rộng đô thị, khu dân cư nông thôn. Trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp chiếm diện tích lớn đảm bảo ổn định nhu cầu sản xuất của người dân và an ninh lương thực khu vực.

- Nhìn chung việc bố trí quỹ đất cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng - kỹ thuật, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới khu dân cư nông thôn và đô thị. Đất phi nông nghiệp được sử dụng đúng mục đích sử dụng, chính quyền địa phương đã quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, nhất là việc sử dụng đất trồng lúa.

- Giải quyết được nhu cầu đất ở cho người dân do dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học, tạo điều kiện tốt hơn cho nhân dân an cư lạc nghiệp.

b) Những tồn tại và nguyên nhân

Quá trình thực hiện Quy hoạch sử dụng đất kỳ trước, bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, còn tồn tại một số vấn đề bất cập như:

- Việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp đạt kết quả chưa cao, nguyên nhân là do một số công trình đang đang triển khai hoặc một số công trình diện tích thực hiện thấp hơn nhiều so với diện tích công trình dự án đăng ký chuyển mục đích.

- Tình hình phát triển kinh tế xã hội những năm vừa qua của huyện Sa Thầy có nhiều biến động kéo theo nhu cầu sử dụng đất của các ngành thay đổi, đặc biệt là nhu cầu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các dự án điện mặt trời, xây dựng trang trại chăn nuôi. Tuy nhiên, do sự hạn chế của các chỉ tiêu quy hoạch đã xây dựng nên một số dự án phát sinh vẫn chưa được triển khai thực hiện để đáp ứng kịp thời nhu cầu của nhân dân.

- Quy hoạch sử dụng đất kỳ trước chưa sát với thực tiễn, việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức còn chủ quan, chưa căn cứ vào nguồn vốn để triển khai thực hiện dẫn đến kết quả thực hiện chưa cao như: đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, đất xây dựng trụ sở cơ quan...

- Quy hoạch sử dụng đất đại chịu sự chi phối của Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch sử dụng đất an ninh, quốc phòng, Quy hoạch lâm nghiệp và các Quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan. Tuy nhiên, tính đồng bộ, thống nhất giữa quy hoạch chuyên ngành của các ngành kinh tế - xã hội với quy hoạch sử dụng đất chưa cao, dẫn đến bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

6.2. Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất trong kỳ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 của huyện Sa Thầy, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp 134.147ha (Bao gồm: Thị trấn Sa Thầy 884,16ha, xã Hơ Moong 4.726,46ha, xã Mô Rai 57.508,72ha, xã Rờ Koi 29.285,32ha, xã Sa Bình 3.209,58ha, xã Sa Nghĩa 2.933,2ha, xã Sa Nhơn 5.508,38ha, xã Sa Sơn 6.254,43ha, xã Ya Ly 2.498,3ha, xã Ya Tăng 17.054,16ha, xã Ya Xiêr 4.284,3ha).

- Đất phi nông nghiệp 8.945ha (Bao gồm: Thị trấn Sa Thầy 508,97ha, xã Hơ Moong 1.532,14ha, xã Mô Rai 878,5ha, xã Rờ Koi 528,41ha, xã Sa Bình 818,68ha,

xã Sa Nghĩa 795,15ha, xã Sa Nhơn 326,23ha, xã Sa Sơn 272,86ha, xã Ya Ly 1.344,04ha, xã Ya Tăng 1.466,24ha, xã Ya Xiêr 473,79ha).

- Đất chưa sử dụng 80,86ha (*Bao gồm: xã Mô Rai 4,56ha, xã Rờ Koi 15,07ha, xã Sa Bình 7,11ha, xã Sa Nghĩa 9,65ha, xã Sa Nhơn 11,61ha, xã Sa Sơn 22,28ha, xã Ya Xiêr 10,59ha).*

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 của huyện Sa Thầy, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp 919,74ha (*Bao gồm: Thị trấn Sa Thầy 183,55ha, xã Hơ Moong 76,65ha, xã Mô Rai 132,28ha, xã Rờ Koi 155,11ha, xã Sa Bình 44,7ha, xã Sa Nghĩa 66,9ha, xã Sa Nhơn 96,42ha, xã Sa Sơn 15,59ha, xã Ya Ly 23,98ha, xã Ya Tăng 102,13ha, xã Ya Xiêr 22,42ha).*

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 2.860,04ha (*Bao gồm: Thị trấn Sa Thầy 14,52ha, xã Hơ Moong 748,97ha, xã Rờ Koi 8,99ha, xã Sa Bình 51,77ha, xã Sa Nghĩa 175,30ha, xã Sa Nhơn 605,94ha, xã Sa Sơn 302,58ha, xã Ya Ly 1,45ha, xã Ya Tăng 845,67ha, xã Ya Xiêr 104,86ha).*

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 3,73ha (*Bao gồm: Thị trấn Sa Thầy 1,14ha, xã Hơ Moong 0,52ha, xã Mô Rai 1,47ha, xã Rờ Koi 0,09ha, xã Sa Nghĩa 0,51ha).*

c) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 của huyện Sa Thầy, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp 74,97ha (*Bao gồm: xã Mô Rai 6,02ha, xã Rờ Koi 9,81ha, xã Ya Xiêr 59,15ha).*

- Đất phi nông nghiệp 15,17ha (*Bao gồm: Xã Mô Rai 0,75ha, xã Rờ Koi 12,6ha, Xã Sa Bình 1,03ha, Xã Sa Nhơn 0,19ha, xã Ya Xiêr 0,5ha).*

7. Tờ trình dự thảo Nghị quyết về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn huyện Sa Thầy

Nhằm quy định cụ thể các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn huyện Sa Thầy theo nhiệm vụ được giao tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022. Nghị quyết gồm 04 Điều: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Điều 2. Các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện; Điều 4. Tổ chức thực hiện.

8. Tờ trình dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện

- Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện về phê chuẩn Đề án quy hoạch mạng lưới giáo dục trên địa bàn huyện.

- Lý do bãi bỏ: Đề án quy hoạch mạng lưới giáo dục trên địa bàn huyện không còn phù hợp với văn bản có giá trị pháp lý cao hơn, không còn phù hợp với quy mô trường lớp hiện nay trên địa bàn huyện và không cần ban hành văn bản thay thế.

9. Tờ trình Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2007/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện về công nhận kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Sa Thầy và Nghị quyết số 18/2007/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện về xác nhận kết quả phân loại đơn vị hành chính huyện Sa Thầy

- Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 05/2007/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện về công nhận kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Sa Thầy và Nghị quyết số 18/2007/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện về xác nhận kết quả phân loại đơn vị hành chính huyện Sa Thầy đã không còn được áp dụng trên thực tế, không phù hợp với quy định trong văn bản có giá trị pháp lý cao hơn để đảm bảo tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

- Lý do bãi bỏ: Không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các văn bản có giá trị pháp lý cao hơn.

10. Tờ trình Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện về phê duyệt Đề án quản lý, khai thác vận hành các công trình thủy lợi thuộc huyện quản lý

- Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện về phê duyệt Đề án quản lý, khai thác vận hành các công trình thủy lợi thuộc huyện quản lý.

- Lý do bãi bỏ: Không còn được áp dụng trên thực tế, không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và để phù hợp với các văn bản có giá trị pháp lý cao hơn.